

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: ông Hứa Công Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị B, sinh năm 1988.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1986.

Cùng trú tại: Thôn 7, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện anh C đang chấp hành án tại Đội 23, k4 Trại giam Vĩnh Quang, xã , huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện chị B đang ở tại: Xóm 3 – Đại Bái, xã Th, huyện Th, tỉnh Hà Nam.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Thị C kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 20/3/2008. Sau khi kết hôn chị và anh C sinh sống tại Thôn 7, xã G cùng gia đình anh C. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt, bản thân anh C sa vào tệ nạn nghiện hút phải đi cai nghiện và chấp hành án, lần chấp hành án thứ hai bị Tòa án huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử 28 tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Anh chị đã ly thân

gần 5 năm nay. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh C trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh C có 02 con chung là các cháu: Bùi Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2009; Bùi Thùy D sinh 22/8/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện nay anh C đang chấp hành án nên không có đủ điều kiện để nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Bùi Thị C được thể hiện tại đơn xin xử vắng mặt đề ngày 21/5/2020: Anh xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tuy nhiên do đang chấp hành án nên anh không tham gia phiên tòa được, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Chị B xin ly hôn với anh thì anh hoàn toàn nhất trí. Anh cũng đồng ý cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung là các cháu: Bùi Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2009; Bùi Thùy D sinh 22/8/2014. Về tài sản chung và công nợ chung: anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Bùi Thị Anh T thể hiện tại bản tự khai ngày 02/6/2020: Nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ cháu là chị B và anh C được giải quyết ly hôn thì cháu xin tiếp tục ở với mẹ là chị Đinh Thị B.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện của chị Đinh Thị B. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định.

Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã G thì chị B và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào ngày 20/3/2008. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Thôn 7, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Về mâu thuẫn giữa chị B và anh C thì ủy ban xã xác định nguyên nhân chính là do anh C nghiện ngập ma túy, đã từng đi cai nghiện và chấp hành án, hiện tại anh C lại đang chấp hành án về tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Do quá trình giải quyết anh C đang phải chấp hành án trong trại giam có yêu cầu xin vắng mặt tại Tòa án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị B. Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị B và anh Bùi Văn C.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao các cháu: Bùi Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2009; Bùi Thùy D sinh 22/8/2014, hiện cả hai cháu đang ở với chị B cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến cháu đủ 18 tuổi. anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bình.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Đinh Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn 7, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp, do anh C chơi bời sa ngã vào tệ nạn xã hội là nghiện ma túy, hiện đang phải đi chấp hành án tại Trại giam. Hiện nay chị B cùng hai con nhỏ đã về quê chị tại Xóm 3 – Đại Bái, xã Thanh Nghi, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam để ở. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh C là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Nguyên vọng của chị B xin được tiếp tục nuôi con chung là các cháu Bùi Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2009; Bùi Thùy D sinh 22/8/2014, hiện các cháu đang ở với chị. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, với lý do các cháu đang ở với chị ổn định, chị là công nhân của

Công ty Samsung có thu nhập và hiện nay anh C đang chấp hành án tại Trại giam không thể chăm sóc và nuôi dạy các cháu. Ý kiến của anh C cũng đồng ý cho chị B được tiếp tục nuôi hai cháu. Hội đồng xét xử thấy: Đối với chị B khỏe mạnh, có thu nhập, mặt khác bản thân anh C đang chấp hành án trong Trại giam không có đủ điều kiện mọi mặt để chăm sóc và nuôi dạy các cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai cháu Bùi Thị Anh T và Bùi Thùy D cho chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B không có yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Đinh Thị B. Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị B và anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao các cháu Bùi Thị Anh T, sinh ngày 30/4/2009; Bùi Thùy D sinh 22/8/2014 (hiện đang ở với chị Bình) cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000467 ngày 04/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị B và anh Bùi Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã G
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh